TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập –Tự do – Hạnh P

Bản án số: **10**/2025/DSST
Ngày: 14/5/2025
V/v: "Tranh chấp tài sản chung"
và "Tranh chấp di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thông Thái
2. Ông Phạm Hồng Sơn
- Thư ký phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Bích Ngà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST-DS, ngày 17/5/2024, về việc *"Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung"* và*"Tranh chấp di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/ QĐ-XX ngày 25/3/2025 và Thông báo xét xử lại vụ án số: 02/TB-TA ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị M N** - sinh năm 1949
Địa chỉ: khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
- *Bị đơn:*
1. Ông **Đặng Ngọc N** - sinh năm 2002
NKTT: khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện Ny: khu phố 5, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
2. Ông **Đặng Ngọc Q** - sinh năm 2006
NKTT: khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện Ny: khu phố 5, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
3. Bà **Trần Thị Hồng P** - sinh năm 1984
Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Đặng Ngọc M** - sinh năm 1979.
Địa chỉ: khu phố 02, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà **Trần Thị Thiên H** - sinh năm 1966.

Địa chỉ: tổ 11, khu phố 01, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M N trình bày:***

Chồng bà là ông Đặng Ngọc Thọ (sinh năm 1934, chết năm 2013)

Vợ chồng bà có 03 người con, cụ thể như sau:

1. Đặng Ngọc Nm (sinh năm 1974, chết năm 2015).

Có vợ là Trần Thị Hồng P - sinh năm 1984 và 02 con là Đặng Ngọc N - sinh năm 2002 và Đặng Ngọc Q - sinh năm 2006;

2. Đặng Ngọc Dũng (sinh năm 1976, chết năm 2022).

Có vợ là Nguyễn Thị Thu Trà - sinh năm 1976 và 02 con là Đặng Nguyễn Thảo Vân - sinh năm 2001 và Đặng Nguyễn Bảo Long - sinh ngày 14/4/2011; cùng trú tại: khu phố 5, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Đặng Ngọc M - sinh năm 1979; trú tại: khu phố 2, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Trong thời kỳ hôn nhân, vào năm nào đã rất lâu bà không còn nhớ, vợ chồng bà mua lại nhà cũ của người ta, là một căn nhà xây cất năm nào không rõ trên thửa đất có diện tích là 386,8 m^2 tọa lạc tại khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vợ chồng và các con của bà ở tại đây đến năm 2006 thì được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 966863 ngày 16/11/2006 cho vợ chồng bà, căn nhà hiện Ny đã xuống cấp trầm trọng do bà đang quản lý và sử dụng.

Năm 2013 chồng bà chết, không để lại di chúc.

Năm 2014 gia đình bà có họp mặt và thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014, theo đó bà và các con bà đều thống nhất nhường phần tài sản của mình được hưởng thừa kế lại cho Đặng Ngọc Nm, vì Nm là con trai trưởng trong gia đình, mục đích là để Nm làm nhà ở và cũng là nơi thờ cúng ông bà cha mẹ.

Nhưng đến năm 2015 thì Nm bị bệnh chết. Vợ của Nm (bà Trần Thị Hồng P) sau đó cũng đã lấy chồng khác và đưa 02 con của Nm (Đặng Ngọc N và Đặng Ngọc Q) đi theo không còn ở đây nữa. Như vậy mục đích cho đất làm nhà để làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ là không đạt được. Vì vậy Ny bà xin thay đổi ý kiến đã thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014. Bà quyết định lấy lại phần tài sản của bà được hưởng thừa kế của chồng bà.

Ny bà đã lớn tuổi, để việc phân chia tài sản rõ ràng, sòng phẳng tránh hệ lụy tranh chấp căng thẳng của con cháu về sau này.

Ny bà yêu cầu Tòa án phân chia tài sản của vợ chồng bà, cụ thể như sau:

Đối với thửa đất ở có diện tích 386,8m^2. Bà yêu cầu chia phần tài sản chung là 1/2 thửa đất là 193,4 m^2 và ¼ (kỷ phần thừa kế từ chồng bà) là 48,35 m^2. Tổng cộng là 241,75 m^2

Đối với căn nhà cấp 4 đã xuống cấp, hiện Ny bà đang ở, bà sẽ tiếp tục quản lý sử dụng đến hết đời, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu được nhận toàn bộ nhà đất và có trách nhiệm hoàn lại giá trị bằng tiền cho phía bị đơn.

**** Ông Đặng Ngọc M trình bày:*** về nguồn gốc tài sản (nhà đất) thống nhất theo trình bày của mẹ ông là bà Trần Thị M N.

Năm 2014 gia đình ông có họp mặt và thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của cha ông chết để lại là ½ thửa đất, theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014, theo đó ông đã thống nhất nhường phần tài sản của mình được hưởng thừa kế lại cho anh ông là Đặng Ngọc Nm, vì anh Nm là con trai trưởng trong gia đình, mục đích là để anh Nm làm nhà ở và cũng là nơi thờ cúng ông bà cha mẹ. Nhưng đến năm 2015 thì anh Nm bị bệnh chết. Sau đó thì vợ của anh Nm cũng lấy chồng khác và đưa 02 con của anh Nm đi theo không còn ở đây nữa. Như vậy mục đích cho đất làm nhà để làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ là không đạt được. Vì vậy, Ny ông xin thay đổi ý kiến đã thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014. Ông quyết định lấy lại phần tài sản của mình được hưởng thừa kế của cha ông và ông giao lại cho mẹ ông được toàn quyền sử dụng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa bà Trần Thị Thiên H thống nhất với trình bày của bà Trần Thị M N và ông Đặng Ngọc M.***

**** Bà Trần Thị Hồng P trình bày:*** về phần nguồn gốc đất tranh chấp theo bà Trần Thị M N trình bày là đúng, bà không bổ sung gì thêm.

Tại tòa hôm Ny, bà không chấp nhận việc thay đổi ý kiến tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014 của bà Trần Thị M N và ông Đặng Ngọc M. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết, công nhận Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014 có hiệu lực, theo đó phần của Đặng Ngọc Nm được nhận là ½ diện tích thửa đất với diện tích là 193,4 m^2 , vị trí phần đất bên hướng Nm (giáp ranh với Trạm y tế Liên H), vì trên phần đất này có nhà của vợ chồng bà đã được cha mẹ chồng bà cho xây dựng ở trên phần đất này và bà sẽ giao toàn quyền tài sản cho con trai lớn của bà là Đặng Ngọc N. Bà yêu cầu nhận đất chứ không chấp nhận nhận tiền.

Đối với căn nhà cấp 4 đã xuống cấp, hiện Ny bà N đang quản lý sử dụng, bà không tranh chấp.

**** Ông Đặng Ngọc N và Đặng Ngọc Q*** thống nhất với trình bày của mẹ ông (bà Trần Thị Hồng P), không bổ sung gì thêm.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2025 bà Nguyễn Thị Thu Trà trình bày:***

Cha mẹ chồng của bà có một căn nhà xây, trên thửa đất có diện tích là 386,8 m^2 tọa lạc tại khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số: AG 966863 ngày 16/11/2006, căn nhà hiện Ny Ny mẹ chồng bà đang quản lý và sử dụng.

Năm 2013 cha chồng của bà chết, không để lại di chúc.

Năm 2014 gia đình chồng bà có họp mặt và thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của cha chồng bà chết để lại, theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014, theo đó chồng của bà (ông Đặng Ngọc Dũng) đã thống nhất nhường phần tài sản của mình được hưởng thừa kế lại cho anh Đặng Ngọc Nm (Vì anh Nm là con trai trưởng trong gia đình), mục đích là để anh Nm làm nhà ở và cũng là nơi thờ cúng ông bà cha mẹ.

Năm 2002 chồng bà, bị bệnh chết, không có thay đổi ý kiến gì với vấn đề này. Ny trong gia đình bên chồng bà có kiện tụng tranh chấp tài sản bà có ý kiến như sau: sau khi gọi điện trao đổi với 02 con của bà (Đặng Nguyễn Thảo Vân và Đặng Nguyễn Bảo Long). Bà và hai con của bà, thống nhất với Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014, theo đó chồng bà (ông Dũng) đã thống nhất nhường phần tài sản của mình được hưởng thừa kế lại cho anh Đặng Ngọc Nm.

Ny bà và 02 con của bà không tranh chấp và xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: xét thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên được công nhận sự thỏa thuận của các đượng sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khỏan 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 213, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao cho bà Trần Thị M N quyền sử dụng diện tích đất 386,8m^2 tọa lạc tại khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 966863 ngày 16/11/2006 và các tài sản trên đất.

Bà Trần Thị M N có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Ngọc N tổng số tiền 500.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán tính từ ngày xét xử đến hết ngày 31/12/2025,

- Về án phí: bà Trần Thị M N thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định pháp luật. Ông Đặng Ngọc N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Tại phiên tòa hôm Ny, phía nguyên đơn bà Trần Thị M N do bà Trần Thị Thiên H đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản của vợ chồng N, và yêu cầu tranh chấp di sản thừa kế, cụ thể như sau:

Đối với thửa đất ở có diện tích 386,8m^2. Bà yêu cầu chia phần tài sản chung là 1/2 và ¼ kỷ phần thừa kế từ chồng bà N (yêu cầu lấy lại phần tài sản mà bà N được hưởng thừa kế của chồng bà N đã nhượng quyền lại cho Đặng Ngọc Nm), ngoài ra bà còn yêu cầu nhận ¼ kỷ phần thừa kế từ con bà là Đặng Ngọc Nm.

Tại phiên tòa hôm Ny, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc M do bà Trần Thị Thiên H đại diện theo ủy quyền cũng yêu cầu lấy lại phần tài sản mà ông M được hưởng thừa kế của cha ông mà ông đã nhượng quyền lại cho Đặng Ngọc Nm theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014.

Xét yêu cầu tranh chấp của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đối tượng tranh chấp là yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất ở đô thị số 19, tờ bản đồ số: 24(242525-1-1(11)) có diện tích là 386,8 m^2, có vị trí tại khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 966863 ngày 16/11/2006 của UBND huyện T cấp cho vợ chồng bà Đặng Thị M N, ông Đặng Ngọc Thọ, hiện Ny bà N đang quản lý sử dụng. Chứng tỏ đây là vụ kiện *"Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung"* và *"Tranh chấp di sản thừa kế"* được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại khoản 2 khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện và chứng cứ, chứng M của phía nguyên đơn:

Theo nguyên đơn bà Trần Thị M N khai rằng:

Trong thời kỳ hôn nhân, (vào năm nào đã rất lâu bà không còn nhớ) vợ chồng bà mua lại nhà cũ của người ta, là một căn nhà xây cất năm nào không rõ trên thửa đất có diện tích là 386,8 m^2 tọa lạc tại khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vợ chồng và các con của bà ở tại đây đến năm 2006 thì được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 966863

ngày 16/11/2006 cho vợ chồng bà, căn nhà hiện Ny đã xuống cấp trầm trọng do bà đang quản lý và sử dụng.

Năm 2013 chồng bà chết, không để lại di chúc.

Năm 2014 gia đình bà có họp mặt và thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014, theo đó bà và các con bà đều thống nhất nhường phần tài sản của mình được hưởng thừa kế lại cho Đặng Ngọc Nm

Năm 2015 thì Nm bị bệnh chết, không để lại di chúc.

Ny bà yêu cầu Tòa án chia phần tài sản chung đối với thửa đất là 1/2 và ¼ kỷ phần thừa kế từ chồng bà (yêu cầu lấy lại phần tài sản mà bà được hưởng thừa kế của chồng bà đã nhượng quyền lại cho Đặng Ngọc Nm), ngoài ra bà còn yêu cầu ¼ kỷ phần thừa kế từ con bà là Đặng Ngọc Nm.

Đối với căn nhà cấp 4 đã xuống cấp, hiện Ny bà đang ở, bà sẽ tiếp tục quản lý sử dụng đến hết đời, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy lời khai của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, như:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 966863 ngày 16/11/2006 của UBND huyện T cấp cho ông Đặng Ngọc Thọ và bà Trần Thị M N.
- Giấy chứng tử ông Đặng Ngọc Thọ
- Giấy chứng tử ông Đặng Ngọc Dũng.
- Giấy chứng tử ông Đặng Ngọc Nm.

[3] Về chứng cứ, chứng M của phía bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Hồng P, ông Đặng Ngọc N và Đặng Ngọc Q thống nhất về nguồn gốc tài sản tranh chấp như nguyên đơn bà N trình bày. Tuy nhiên phía bị đơn bà Trần Thị Hồng P khai nại rằng:

Vào năm 2014 trong gia đình bên chồng của bà có họp mặt các thành viên trong gia đình gồm bà Trần Thị M N, và 4 người con của bà N đã thỏa thuận nhường phần chia di sản thừa kế của ông Đặng Ngọc Thọ (là cha chồng của bà P) chết để lại là ½ thửa đất tại khu phố 10 thị trấn Liên H, cho chồng bà là Đặng Ngọc Nm, việc giao phần tài sản thừa kế này là không có đặt ra điều kiện, theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014. Nhưng đến năm 2015 thì chồng bà bị bệnh chết.

Ny, bà yêu cầu Tòa án công nhận Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014 có hiệu lực pháp luật. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết, phân chia theo phần bà được nhận ½ diện tích thửa đất, phần đất có vị trí phía Nm giáp với Trạm y tế Liên H bên có nhà của vợ chồng bà xây dựng và bà sẽ giao toàn quyền tài sản cho con trai lớn của bà là Đặng Ngọc N.

Đối với căn nhà cấp 4 đã xuống cấp, hiện Ny bà N đang quản lý sử dụng, không có đề cặp trong Văn bản thỏa thuận, nên bà không tranh chấp.

Xét thấy lời khai của phía bị đơn phù hợp với các chứng cứ do bị đơn cung cấp và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, là Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được Văn phòng công chứng T, công chứng ngày 08/10/2014.

Ông Đặng Ngọc N và Đặng Ngọc Q thống nhất với lời trình bày của bà P, không bổ sung gì thêm.

Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Căn nhà số 170 đường 17/4 khu phố 10 thị trấn Liên H là tài sản hợp pháp của vợ chồng bà Trần Thị M N, ông Đặng Ngọc Thọ được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là nơi ở của gia đình bà, hiện Ny bà N đang quản lý sử dụng căn nhà này.

Năm 2013 ông Đặng Ngọc Thọ chết, không để lại di chúc.

Năm 2014 gia đình bà N có họp mặt và thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, đã được công chứng ngày 08/10/2014, theo đó bà N và các con bà đều thống nhất nhường phần tài sản của mình được hưởng thừa kế lại cho Đặng Ngọc Nm.

Năm 2015 Đặng Ngọc Nm bị bệnh chết không để lại di chúc.

Tòa án cũng đã tiến hành thẩm định phân chia đất theo sự thỏa thuận của các đương sự, theo bản vẽ (tại Bút lục số: 57) nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cho biết là không đủ điền kiện tách thửa, nên không duyệt, xét thấy căn nhà trên thửa đất là 01 khối tài sản kiên cố thống nhất không chia tách được. Do đó bà N yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản nhà đất và có trách nhiệm hoàn lại giá trị bằng tiền cho phía bị đơn, do trên đất có căn nhà cấp 4 gát lửng của vợ chồng bà P xây dựng năm 2014, mặc dù nhà hiện Ny cũng đã xuống cấp, bà N cũng không có nhu cầu sử dụng, nhưng bà N tự nguyện nhận luôn tài sản này để hoàn lại giá trị bằng tiền theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Phía bị đơn bà Trần Thị Hồng P, Đặng Ngọc N và Đặng Ngọc Q yêu cầu nhận đất chứ không chấp nhận nhận tiền.

[4] Tại phần tranh luận: qua phân tích của Hội đồng xét xử, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Giao cho bà Trần Thị M N được toàn quyền sử dụng thửa đất ở đô thị số 19, tờ bản đồ số: 24(242525-1-1(11)) có diện tích là 386,8 m^2, vị trí tại khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 966863 ngày 16/11/2006 của UBND huyện T cấp cho ông Đặng Ngọc Thọ và bà Trần Thị M N.

- Bà Trần Thị M N được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 có gát lửng, diện tích 12,9 m^2 (căn nhà của vợ chồng bà Trần Thị Hồng P xây dựng trên thửa đất năm 2014).

- Bà Trần Thị M N có trách nhiệm hoàn lại cho ông Đặng Ngọc N, số tiền là: **500.000.000** đồng (Năm trăm triệu đồng) hạn cuối là ngày 31/12/2025. Trường hợp bà Trần Thị M N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, thì kể từ ngày 01/01/2026 bà Trần Thị M N phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án, theo quy định tại khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. (ông Đặng Ngọc N là người được nhận tài sản theo sự thỏa thuận của bà P, ông N và ông Q).

- Đối với căn nhà xây cũ số 170 trên thửa đất, các đương sự thống nhất giao cho bà N tiếp tục quản lý sử dụng, không có yêu cầu tranh chấp.

Xét thấy việc thỏa thuận tại phiên tòa của các đương sự là tự nguyện, nội

dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo quy định tại Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản mà họ được nhận theo quy định của điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

[6]. Về chi phí tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đất tranh chấp đã được thanh toán xong (tại bút lục số: 58, 59, 60, 61, 62)

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo quy định tại Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 2 khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 649, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

2.1. Giao cho bà Trần Thị M N được toàn quyền sử dụng thửa đất ở đô thị số 19, tờ bản đồ số: 24(242525-1-1(11)) có diện tích là 386,8 m^2, vị trí tại khu phố 10, thị trấn Liên H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 966863 ngày 16/11/2006 của UBND huyện T cấp cho ông Đặng Ngọc Thọ và bà Trần Thị M N.

2.2. Bà Trần Thị M N được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 có gát lửng, diện tích 12,9 m^2 (căn nhà của vợ chồng bà Trần Thị Hồng P xây dựng trên thửa đất năm 2014).

2.3. Bà Trần Thị M N có trách nhiệm hoàn lại cho ông Đặng Ngọc N, số tiền là: **500.000.000** đồng (Năm trăm triệu đồng) hạn cuối là ngày 31/12/2025. Trường hợp bà Trần Thị M N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, thì kể từ ngày 01/01/2026 bà Trần Thị M N phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án, theo quy định tại khoản 1 Điều 357, khoản 2

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. (ông Đặng Ngọc N là người được nhận tài sản theo sự thỏa thuận của bà P, ông N và ông Q).

2.4. Đối với căn nhà xây cũ số 170 trên thửa đất, do các đương sự thống nhất giao cho bà N tiếp tục quản lý sử dụng, không có yêu cầu tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị M N là người cao tuổi có đơn xin miễn đóng tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm (Đơn ghi ngày 16/5/2024), nên miễn toàn bộ án phí cho bà N.

- Ông Đặng Ngọc N phải nộp 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông N có đơn xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn cho ông ½ án phí, số tiền án phí còn lại phải nộp là **12.000.000 đồng** (*Mười hai triệu đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thông Thái **Phạm Hồng Sơn** **Nguyễn Văn Thạch**